

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai tình hình thực hiện ngân sách quý I năm 2025**

**CỤC TRƯỞNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 61/2014/QĐ-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thi hành án dân sự trực thuộc Bộ Tư pháp; Quyết định số 19/2023/QĐ-TTg ngày 02/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 61/2014/QĐ-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thi hành án dân sự trực thuộc Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 496/QĐ-BTP ngày 31/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Ban hành quy định phân cấp, ủy quyền quản lý tài chính, tài sản công, mua sắm hàng hóa, dịch vụ đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin và đầu tư công của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Văn phòng.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Công bố công khai tình hình thực hiện ngân sách quý I năm 2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên (theo mẫu biểu đính kèm Quyết định này).

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3:** Chánh Văn phòng Cục, các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Tổng cục THADS (để b/c);
- Lãnh đạo Cục;
- Trang thông tin điện tử của Cục (để đăng tải);
- Lưu: VT, KTHCSN.



**Vũ Hoàng Thu**

Hưng Yên, ngày 11 tháng 4 năm 2025

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH  
QUÝ I NĂM 2025**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên công khai tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý I năm 2025 của đơn vị như sau:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán giao năm 2025	Ước thực hiện Quý I năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)
1	2	3		5	6=5/4*100%
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí		1.670.000.000	911.277.015	0,55
1	Lệ phí				
2	Phí thi hành án dân sự		1.670.000.000	911.277.015	0,55
	Văn phòng Cục THADS tỉnh		307.000.000	188.527.660	0,61
	Chi cục THADS tp Hưng Yên		218.000.000	137.553.904	0,63
	Chi cục THADS huyện Tiên Lữ		49.000.000	2.499.000	0,05
	Chi cục THADS huyện Phù Cừ		9.000.000	36.266.553	4,03
	Chi cục THADS huyện Ân Thi		154.000.000	81.960.000	0,53
	Chi cục THADS huyện Kim Động		89.000.000	24.062.100	0,27
	Chi cục THADS huyện Khoái Châu		222.000.000	48.145.000	0,22
	Chi cục THADS huyện Văn Giang		44.000.000	57.769.980	1,31
	Chi cục THADS huyện Yên Mỹ		178.000.000	61.613.032	0,35
	Chi cục THADS huyện Mỹ Hào		222.000.000	127.821.879	0,58
	Chi cục THADS huyện Văn Lâm		178.000.000	145.057.907	0,81
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại		893.500.000	390.427.046	0,44
1	Chi sự nghiệp				
2	Chi quản lý hành chính	1.023.843.479	893.500.000	390.427.046	0,20
a	Kinh phí thực hiện tự chủ	1.023.843.479	893.500.000	390.427.046	0,20
	Văn phòng Cục THADS tỉnh	233.090.475	163.850.000	155.197.013	0,39
	Chi cục THADS tp Hưng Yên	15.256.953	116.900.000	51.923.116	0,39
	Chi cục THADS huyện Tiên Lữ	46.505.975	25.950.000	12.894.375	0,18
	Chi cục THADS huyện Phù Cừ	18.476.317	4.950.000	38.422.921	1,64

	Chi cục THADS huyện Ân Thi	229.700.246	82.700.000	55.296.707	0,18
	Chi cục THADS huyện Kim Động	49.177.803	47.950.000	0	0,00
	Chi cục THADS huyện Khoái Châu	30.854.444	119.100.000	0	0,00
	Chi cục THADS huyện Văn Giang	19.195.551	23.200.000	14.061.772	0,33
	Chi cục THADS huyện Yên Mỹ	117.083.412	94.900.000	0	0,00
	Chi cục THADS huyện Mỹ Hào	71.900.563	119.100.000	0	0,00
	Chi cục THADS huyện Văn Lâm	192.601.740	94.900.000	62.631.142	0,22
<b>b</b>	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>				
<b>c</b>	<b>Tiết kiệm CCTL</b>		<b>25.000.000</b>	0	0,00
	Văn phòng Cục THADS tỉnh		5.000.000	0	0,00
	Chi cục THADS tp Hưng Yên		3.000.000	0	0,00
	Chi cục THADS huyện Tiên Lữ		1.000.000	0	0,00
	Chi cục THADS huyện Phù Cừ		0	0	
	Chi cục THADS huyện Ân Thi		2.000.000	0	0,00
	Chi cục THADS huyện Kim Động		1.000.000	0	0,00
	Chi cục THADS huyện Khoái Châu		3.000.000	0	0,00
	Chi cục THADS huyện Văn Giang		1.000.000	0	0,00
	Chi cục THADS huyện Yên Mỹ		3.000.000	0	0,00
	Chi cục THADS huyện Mỹ Hào		3.000.000	0	0,00
	Chi cục THADS huyện Văn Lâm		3.000.000	0	0,00
<b>III</b>	<b>Số phí lệ phí nộp NSNN</b>		<b>417.500.000</b>	<b>227.819.254</b>	<b>0,55</b>
<b>1</b>	<b>Lệ phí</b>				
<b>2</b>	<b>Phí thi hành án dân sự</b>		<b>417.500.000</b>	<b>227.819.254</b>	<b>0,55</b>
	Văn phòng Cục THADS tỉnh		76.750.000	47.131.915	0,61
	Chi cục THADS tp Hưng Yên		54.500.000	34.388.476	0,63
	Chi cục THADS huyện Tiên Lữ		12.250.000	624.750	0,05
	Chi cục THADS huyện Phù Cừ		2.250.000	9.066.638	4,03
	Chi cục THADS huyện Ân Thi		38.500.000	20.490.000	0,53
	Chi cục THADS huyện Kim Động		22.250.000	6.015.525	0,27
	Chi cục THADS huyện Khoái Châu		55.500.000	12.036.250	0,22
	Chi cục THADS huyện Văn Giang		11.000.000	14.442.495	1,31
	Chi cục THADS huyện Yên Mỹ		44.500.000	15.403.258	0,35
	Chi cục THADS huyện Mỹ Hào		55.500.000	31.955.470	0,58
	Chi cục THADS huyện Văn Lâm		44.500.000	36.264.477	0,81
<b>B</b>	<b>Dự toán chi NSNN</b>				
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>800.000.000</b>	<b>31.421.987.000</b>	<b>8.250.473.192</b>	<b>0,26</b>
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>800.000.000</b>	<b>31.421.987.000</b>	<b>8.250.473.192</b>	<b>0,26</b>
<b>1,1</b>	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>0</b>	<b>27.874.972.000</b>	<b>7.853.608.392</b>	<b>0,28</b>
	Văn phòng Cục THADS tỉnh		7.300.182.000	1.927.329.120	0,26
	Chi cục THADS tp Hưng Yên		2.142.439.000	767.035.360	0,36
	Chi cục THADS huyện Tiên Lữ		1.814.627.000	487.855.105	0,27
	Chi cục THADS huyện Phù Cừ		1.863.259.000	469.198.619	0,25
	Chi cục THADS huyện Ân Thi		1.919.491.000	523.930.200	0,27
	Chi cục THADS huyện Kim Động		1.568.339.000	406.898.881	0,26
	Chi cục THADS huyện Khoái Châu		2.656.167.000	731.687.676	0,28
	Chi cục THADS huyện Văn Giang		2.064.563.000	561.184.773	0,27
	Chi cục THADS huyện Yên Mỹ		2.108.779.000	556.116.321	0,26
	Chi cục THADS huyện Mỹ Hào		2.418.167.000	790.038.968	0,33

	Chi cục THADS huyện Văn Lâm		2.018.959.000	632.333.369	0,31
1,2	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>800.000.000</b>	<b>3.547.015.000</b>	<b>396.864.800</b>	<b>0,09</b>
	Văn phòng Cục THADS tỉnh		565.920.000	23.165.000	0,04
	Chi cục THADS tp Hưng Yên	800.000.000	164.220.000	20.579.000	0,02
	Chi cục THADS huyện Tiên Lữ		886.410.000	24.460.000	0,03
	Chi cục THADS huyện Phù Cừ		138.345.000	64.055.000	0,46
	Chi cục THADS huyện Ân Thi		127.440.000	39.000.000	0,31
	Chi cục THADS huyện Kim Động		99.410.000	12.660.000	0,13
	Chi cục THADS huyện Khoái Châu		183.170.000	35.748.000	0,20
	Chi cục THADS huyện Văn Giang		162.340.000	52.330.000	0,32
	Chi cục THADS huyện Yên Mỹ		153.790.000	56.000.000	0,36
	Chi cục THADS huyện Mỹ Hào		139.785.000	24.107.800	0,17
	Chi cục THADS huyện Văn Lâm		926.185.000	44.760.000	0,05
2	<b>CCTL</b>			<b>0</b>	

Hưng Yên, ngày 11 tháng 4 năm 2025

**CỤC TRƯỞNG**



**Vũ Hoàng Thụ**

**TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**  
**CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**  
**TỈNH HƯNG YÊN**

**BÁO CÁO**

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN - THU CHI NGÂN SÁCH QUÝ I/2025**

TT	Chỉ tiêu	Dự toán giao	Dự toán giao đầu năm	Dự toán giao điều chỉnh, bổ sung trong kỳ	Ước thực hiện		Ước thực hiện so với dự toán %
					Quý I	Lũy kế	
<b>A</b>	<b>SỐ THU, CHI NỘP NSNN, PHÍ, LỆ PHÍ THUỘC NSNN</b>						
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	<b>1.670.000.000</b>	<b>1.670.000.000</b>	<b>0</b>	<b>911.277.015</b>	<b>911.277.015</b>	<b>54,57</b>
	<i>Chi tiết từng khoản phí, lệ phí</i>	1.670.000.000	1.670.000.000	0	911.277.015	911.277.015	54,57
<b>II</b>	<b>Số thu phí được để lại đơn vị</b>	<b>1.252.500.000</b>	<b>1.252.500.000</b>	<b>0</b>	<b>683.457.761</b>	<b>683.457.761</b>	<b>54,57</b>
1	Số nộp về tổng cục	334.000.000	334.000.000	0	182.255.403	182.255.403	54,57
2	Số để lại đơn vị	918.500.000	918.500.000	0	501.202.358	501.202.358	54,57
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp NSNN</b>	<b>417.500.000</b>	<b>417.500.000</b>	<b>0</b>	<b>227.819.254</b>	<b>227.819.254</b>	<b>55</b>
	<i>Chi tiết từng khoản phí, lệ phí</i>	417.500.000	417.500.000	0	227.819.254	227.819.254	54,57
<b>B</b>	<b>DỰ TOÁN CHI NSNN</b>	<b>32.221.987.000</b>	<b>31.421.987.000</b>	<b>800.000.000</b>	<b>8.250.473.192</b>	<b>7.877.738.392</b>	<b>25,61</b>
<b>I</b>	<b>QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH ( 340-341)</b>	<b>32.221.987.000</b>	<b>31.421.987.000</b>	<b>800.000.000</b>	<b>8.250.473.192</b>	<b>7.877.738.392</b>	<b>114</b>
<b>1</b>	<b>Giao tự chủ tài chính</b>	<b>27.874.972.000</b>	<b>27.874.972.000</b>	<b>0</b>	<b>7.853.608.392</b>	<b>7.853.608.392</b>	<b>39</b>
	Chi cho con người	22.849.752.000	22.849.752.000	0	7.550.430.881	7.550.430.881	33,04
	Chi chuyên môn nghiệp vụ	4.875.220.000	4.875.220.000	0	290.471.311	290.471.311	5,96

	Chi khác	150.000.000	150.000.000	0	12.706.200	12.706.200	
	CCTL	0	0	0	0	0	
<b>2</b>	<b>Giao không tự chủ tài chính</b>	<b>4.347.015.000</b>	<b>3.547.015.000</b>	<b>800.000.000</b>	<b>396.864.800</b>	<b>24.130.000</b>	<b>75</b>
	Bảo trì trụ sở, mua sắm TS	2.358.000.000	1.558.000.000	800.000.000	0	0	0,00
	Chi chuyên môn nghiệp vụ	546.000.000	546.000.000	0	372.734.800		68,27
	Trang phục	349.415.000	349.415.000	0	24.130.000	24.130.000	6,91
	Tiền thưởng	1.093.600.000	1.093.600.000	0	0	0	0,00
<b>II</b>	<b>CHI SỰ NGHIỆP GD-ĐT</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	Giao tự chủ tài chính	0	0	0	0	0	
2	Giao không tự chủ tài chính	0	0	0	0	0	

Hưng Yên, ngày 11 tháng 4 năm 2025

Người lập

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Tạ Thu Hiền

Vũ Hoàng Thụ

Hưng Yên, ngày 15 tháng 4 năm 2025

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH  
QUÝ I NĂM 2025**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên công khai tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý I năm 2025 của đơn vị như sau:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán giao năm 2025	Ước thực hiện Quý I năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)
1	2	3		5	6=5/4*100%
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí		307.000.000	188.527.660	0,61
1	Lệ phí				
2	Phí thi hành án dân sự		307.000.000	188.527.660	0,61
	Văn phòng Cục THADS tỉnh		307.000.000	188.527.660	0,61
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại		163.850.000	155.197.013	0,95
1	Chi sự nghiệp				
2	Chi quản lý hành chính	233.090.475	163.850.000	155.197.013	0,39
a	Kinh phí thực hiện tự chủ	233.090.475	163.850.000	155.197.013	0,39
	Văn phòng Cục THADS tỉnh	233.090.475	163.850.000	155.197.013	0,39
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
c	Tiết kiệm CCTL		5.000.000	0	0,00
	Văn phòng Cục THADS tỉnh		5.000.000	0	0,00
III	Số phí lệ phí nộp NSNN		76.750.000	47.131.915	0,61
1	Lệ phí				
2	Phí thi hành án dân sự		76.750.000	47.131.915	0,61
	Văn phòng Cục THADS tỉnh		76.750.000	47.131.915	0,61
B	Dự toán chi NSNN				
I	Nguồn ngân sách trong nước	0	7.866.102.000	1.950.494.120	0,25
1	Chi quản lý hành chính	0	7.866.102.000	1.950.494.120	0,25
1,1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0	7.300.182.000	1.927.329.120	0,26
	Văn phòng Cục THADS tỉnh		7.300.182.000	1.927.329.120	0,26
1,2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0	565.920.000	23.165.000	0,04

	Văn phòng Cục THADS tỉnh		565.920.000	23.165.000	0,04
2	CCTL			0	

Hưng Yên, ngày 11 tháng 4 năm 2025

**CỤC TRƯỞNG**



**Vũ Hoàng Thụ**

**TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**  
**CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**  
**TỈNH HƯNG YÊN**

**BÁO CÁO**

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN - THU CHI NGÂN SÁCH QUÝ I/2025**

TT	Chỉ tiêu	Dự toán giao	Dự toán giao đầu năm	Dự toán giao điều chỉnh, bổ sung trong kỳ	Ước thực hiện		Ước thực hiện so với dự toán %
					Quý I	Lấy kế	
A	<b>SỐ THU, CHI NỘP NSNN, PHÍ, LỆ PHÍ THUỘC NSNN</b>						
I	Số thu phí, lệ phí	307.000.000	307.000.000	0	188.527.660	188.527.660	61,41
	<i>Chi tiết từng khoản phí, lệ phí</i>	307.000.000	307.000.000	0	188.527.660	188.527.660	61,41
II	Số thu phí được để lại đơn vị	230.250.000	230.250.000	0	141.395.745	141.395.745	61,41
1	Số nộp về tổng cục	61.400.000	61.400.000	0	37.705.532	37.705.532	61,41
2	Số để lại đơn vị	168.850.000	168.850.000	0	103.690.213	103.690.213	61,41
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	76.750.000	76.750.000	0	47.131.915	47.131.915	61
	<i>Chi tiết từng khoản phí, lệ phí</i>	76.750.000	76.750.000	0	47.131.915	47.131.915	61,41
B	<b>DỰ TOÁN CHI NSNN</b>	7.866.102.000	7.866.102.000	0	1.950.494.120	1.927.329.120	24,80
I	<b>QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH ( 340-341)</b>	7.866.102.000	7.866.102.000	0	1.950.494.120	1.927.329.120	#DIV/0!
1	Giao tự chủ tài chính	7.300.182.000	7.300.182.000	0	1.927.329.120	1.927.329.120	39
	Chi cho con người	5.887.960.000	5.887.960.000	0	1.807.697.590	1.807.697.590	30,70
	Chi chuyên môn nghiệp vụ	1.412.222.000	1.412.222.000	0	119.631.530	119.631.530	8,47

	Chi khác	0	0	0	0	0	0	0
	CCTL	0	0	0	0	0	0	0
2	Giao không tự chủ tài chính	565.920.000	565.920.000	0	23.165.000	0	#DIV/0!	0
	Bảo trì trụ sở, mua sắm TS	0	0	0	0	0	#DIV/0!	0
	Chi chuyên môn nghiệp vụ	50.000.000	50.000.000	0	23.165.000	0	46,33	0,00
	Trang phục	225.820.000	225.820.000	0	0	0	0,00	0,00
	Tiền thưởng	290.100.000	290.100.000	0	0	0	0,00	0,00
<b>II</b>	<b>CHI SỰ NGHIỆP GD-ĐT</b>	0	0	0	0	0	0	0
1	Giao tự chủ tài chính	0	0	0	0	0	0	0
2	Giao không tự chủ tài chính	0	0	0	0	0	0	0

Hưng Yên, ngày 05 tháng 4 năm 2025

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**



**Vũ Hoàng Thụ**

**Người lập**

**Tạ Thu Hiền**